TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HS-ST
Ngày 18/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Mạnh T, sinh năm 1982 tại tỉnh Q; thường trú: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh QB; chổ ở: Số 45/3 khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe ôm công nghệ; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 05 chị em ruột, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1992;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 23/9/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015 (đã đóng án phí).

+ Ngày 29/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố T, thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/02/2018 (đã đóng án phí).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2021, có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

- *Bị hại:* Lê Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 27/55 khu phố B 4, phường A, thành phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ninh Thế H2, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 7, ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Mạnh T làm nghề lái xe ôm công nghệ. Khoảng 21 giờ ngày 14/12/2021 T điều khiển xe mô tô hiệu Y, màu trắng đỏ, biển số 19K1 – 226.49 chở 01 khách nam đến khu vực chợ D 2 thuộc khu phố B 4, phường A, thành phố D, tỉnh B. Khi đi đến nhà số 27/55 khu phố B 4, phường A thì người khách này xuống xe và trả cho T 30.000 đồng, sau đó đi đâu không rõ. Lúc này, T nhìn vào nhà số 27/55 khu phố B 4, phường A thì thấy trên bàn trong phòng khách có 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52S màu đen của chị Lê Thị H1 đang cắm sạc điện thoại. Cách đó khoảng 01m có 01 bé gái khoảng 10 tuổi đang ngồi quay mặt vào trong. Thấy vậy, T liền dừng xe bên ngoài rồi đi bộ vào trong, lén lút rút dây sạc, cầm điện thoại trên tay phải đi ra ngoài. Lúc này, bé gái phát hiện sự việc nên tri hô. Nghe vậy, chị H1 liền tri hô và chạy ra nắm áo của T để kéo lại, T điều khiển xe bỏ chạy được khoảng 20m thì bị ngã, bị chị H1 cùng người dân bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52S màu đen; 01 xe mô tô hiệu Y, màu trắng đỏ, biển số 19K1 – 226.49 (số khung RLCS5C6JOGY199050; số máy 5C6J190057); 01 bản chính giấy đăng ký xe mô tô biển số 19K1 – 226.49; 01 áo khoác xe ôm công nghệ Grap màu xanh; 01 nón bảo hiểm Grap màu xanh.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52S màu đen (sử dụng tháng 11/2021).

Tại kết luận định giá số 176/BB.ĐG ngày 22/12/2021 của Hội đồng định giá thành phố D, tỉnh B xác định: 01 điện thoại di động Samsung A52S màu đen (sử dụng tháng 11/2021), trị giá 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận luận định giá số 176/BB.ĐG ngày 22/12/2021 của Hội đồng định giá thành phố D nêu trên.

Tại cáo trạng số 108/CT - VKS – DA ngày 28 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Mạnh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Mạnh T mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, tại cơ quan điều tra bị hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Y, màu trắng đỏ, biển số 19K1 – 226.49 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô qua xác minh chủ sở hữu là anh Ninh Thế H2. Anh H2 xác nhận đã mua xe trên vào tháng 6/2016, đến đầu năm 2019 thì bán lại cho một cửa hàng mua bán xe máy cũ trên đường N nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ rõ địa chỉ. Quá trình điều tra anh H2 xác định không còn liên quan gì đến xe mô tô nói trên. T khai nhận mua xe trên tại một tiệm mua bán xe cũ tại D nhưng không rõ địa chỉ, khi mua có làm giấy tờ mua bán nhưng đã bị thất lạc, hiện không nhớ địa chỉ mua xe. Do bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 áo khoác xe ôm công nghệ Grap màu xanh; 01 nón bảo hiểm Grap màu xanh không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về với gia đình, xã hội làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị cáo Lê Mạnh T; bị hại Lê Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ninh Thế H2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 14/12/2021, tại số nhà số 27/55 khu phố B 4, phường A, thành phố D, tỉnh B, Lê Mạnh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52S màu đen có trị giá 7.000.000 của chị Lê Thị H1.

Hành vi của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 108/CT-VKS - DA ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh B truy tố đối với bị cáo T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù nhưng bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra ngoài việc góp phần xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Lê Mạnh T thực hiện tuy là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù tuy nhiên bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra ngoài việc góp phần xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã hai lần bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng bản thân thành người lương thiện mà tiếp tục phạm tội mới.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, tại cơ quan điều tra bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét xe mô tô hiệu Y, màu trắng đỏ, biển số 19K1 – 226.49 do anh Ninh Thế H2 đứng tên chủ sở hữu. Đầu năm 2019 anh H2 đã bán cho một tiệm mua bán xe máy cũ tại D. Quá trình điều tra anh H2 xác định không còn liên quan gì đến xe mô tô nói trên. Bị cáo khai mua xe trên tại một tiệm xe máy cũ ở D vào năm 2019, có làm giấy tờ nhưng đã bị thất lạc, hiện không nhớ địa chỉ mua xe. Do bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 áo khoác xe ôm công nghệ Grap màu xanh; 01 nón bảo hiểm Grap màu xanh không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh B về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự,

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo và việc xử lý vật chứng là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Mạnh T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Mạnh T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Y, màu trắng đỏ, biển số 19K1 – 226.49 (số khung RLCS5C6JOGY199050; số máy 5C6J190057) kèm theo bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Ninh Thế H2;

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác xe ôm công nghệ Grap màu xanh; 01 nón bảo hiểm Grap màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Lê Mạnh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự thành phố D;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh B;
-VKS nhân dân tỉnh B;
- Lưu: VT, HS.

Trần Thị Thắm